TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LT** **TỈNH VĨNH PHÚC**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 99/2023/HS-ST
Ngày 15 -11- 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LT, TỈNH VĨNH PHÚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Kim Thị Ánh Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn T Sửu- Giáo viên

Bà Trần Thị Kim Khuyên

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Quốc Khánh - Thư ký Tòa án nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc tham gia phiên tòa: Ông Ngô Trường Út- Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 11 năm 2023, tại Hội trường UBND thị trấn LT, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 94/2023/TLST- HS ngày 27 tháng 10 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 94/2023/QĐXXST-HS ngày 02 tháng 11 năm 2023, đối với các bị cáo:

1. Khổng Văn T, sinh ngày 17/10/1990; Nơi ĐKHKTT: Thôn V, xã V, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề ngH3: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Khổng Văn D và bà Khổng Thị T1; Có vợ là Vi Thị Huyền T2 và 02 con (lớn sinh năm 2014, nhỏ sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 21/3/2023 đến nay (có mặt).

2. Nguyễn Văn H, sinh ngày 05/6/1994; Nơi ĐKHKTT: Nơi ĐKHKTT: Thôn V, xã V, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc; nghề ngH3: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Thiên chúa giáo; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Nguyễn Chí C và bà Lê Thị A; Vợ, con: Chưa có; tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 21/3/2023 đến nay (có mặt).

3. Lê Thị Hồng N, sinh ngày 01/01/1997; Nơi ĐKHKTT: Khu V, xã V, huyện TS, tỉnh Phú Thọ; nghề ngH3: Lao động tự do; trình độ văn hoá: 11/12;

dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông: Lê Văn D (đã chết) và bà Hoàng Thị B; Có chồng là Hà Văn T3 và 01 con (sinh năm 2016); tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ 21/3/2023 đến nay (có mặt).

+ Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Cháu Sùng Thị S, sinh ngày 28/7/2007 (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của cháu S: Ông Sùng A C, sinh năm 1977 và bà Giàng Thị D, sinh năm 1979 (vắng mặt)

Đều cư trú: Bản S, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai.

- Anh Nguyễn Quốc H1, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Địa chỉ: Thôn V, xã V, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 20/3/2023, sau khi ăn đêm ở khu đô thị P, xã T, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc xong Nguyễn Văn H, sinh năm 1994 rủ Khổng Văn T, sinh năm 1990 cùng ở thôn V, xã V, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc đến quán karaoke C thuộc thôn T, xã TĐ, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc để hát thì T đồng ý, H điều khiển xe mô tô BKS: 88L1-692.74 chở T ngồi sau, rồi H có gọi điện thoại cho Lê Thị Hồng N, sinh năm 1997 ở khu V, xã V, huyện TS, tỉnh Phú Thọ là nhân viên phục vụ của quán karaoke C bảo chuẩn bị phòng để đến hát. Sau đó, N nói với Bàn Văn Đ, sinh năm 2005 ở thôn TT, xã L, huyện V, tỉnh Yên Bái là nhân viên quầy lễ tân của quán hát chuẩn bị phòng hát cho khách thì Đ chuẩn bị sẵn phòng hát Vip 4. Trên đường đi thì T gọi điện thoại và nhắn tin cho Sùng Thị S, sinh ngày 28/7/2007 ở bản S, xã S, huyện S, tỉnh Lào Cai (S làm nhân viên của quán karaoke XO ở huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc) rủ S đi hát thì S đồng ý, T nhờ S mua hộ ma túy Kẹo và Ketamine nhưng S nói là không biết, rồi T bảo S bắt xe taxi sang quán karaoke C ở xã T, huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc thì S đồng ý. Đến khoảng 22 giờ cùng ngày H, T đến quán C thì gặp Đ, Đ chỉ T, H vào phòng Vip4, sau đó Đ vào phòng Vip4 hỏi T, H có lấy nhân viên phục vụ không thì H nói "cho nhân viên tên N vào phục vụ" rồi Đức đi ra và bảo N vào phòng Vip4 phục vụ khách. Sau khi N vào hát cùng T, H khoảng 20 phút thì S đi taxi đến, T ra đón và đưa S vào phòng Vip4 uống bia và hát cùng nhóm T. Khoảng 5 - 10 phút sau, T nhắn tin cho H rủ sử dụng ma túy thì H đi đến chỗ ngồi của T và nói "Nếu chơi ma túy thì bảo N lấy cho", H nói không đem theo tiền, T cứ ứng ra sau này chia đôi, N ngồi cạnh đó cũng nghe thấy nội dung trên, sau đó H bảo N mua 01 chỉ ma túy Ketamine, 02 viên ma túy Kẹo (tức ma túy MDMA), N đồng ý

rồi đi ra ngoài gọi cho đối tượng tên H3 qua ứng dụng Messenger hỏi giá mua 01 chỉ ma túy Ketamine, 02 viên ma túy Kẹo thì H3 nói giá là 3.300.000đ và hẹn khoảng 5 phút sau ra cổng quán lấy ma túy, N đi vào phòng Vip4 nói cho H, T tiền mua ma túy hết 3.300.000đ thì T đưa cho N số tiền trên. Khoảng 05 phút sau N cầm tiền đi ra cổng quán C thì thấy H3 một mình đi xe máy đến, đứng chờ ở cổng quán, N đưa cho H3 3.300.000đ, H3 đưa cho N 01 gói giấy ăn màu trắng vo tròn, N cầm gói giấy này vào trong phòng Vip4 mở gói giấy ra thấy bên trong có 01 túi nilon bên trong chứa ma túy Ketamine và 01 túi nilon bên trong chứa 02 viên ma túy Kẹo màu hồng, N để gói ma túy Ketamine trên bàn và đưa gói ma túy Kẹo cho T thì T lấy ra 01 viên ma túy Kẹo bẻ một phần viên ma túy Kẹo đưa cho S sử dụng bằng hình thức uống cùng cocacola, T cùng sử dụng phần còn lại của viên ma túy Kẹo bằng hình thức uống cùng nước cocacola, đồng thời H cũng lấy viên ma túy Kẹo còn lại bẻ một phần đưa cho N sử dụng bằng hình thức uống cùng nước cocacola, phần còn lại của viên ma túy Kẹo H sử dụng một ít bằng hình thức uống cùng nước cocacola còn lại một phần H để vào trong túi nilon đặt trên bàn. Sau khi sử dụng xong ma túy Kẹo, H nói với N "Chơi Ke thì xào đi" thì N lấy 01 chiếc đĩa sứ đựng hoa quả, đổ dồn hoa quả vào 01 chiếc đĩa nhựa, N lau sạch và dùng bật lửa hơ khô chiếc đĩa sứ này, N lấy 01 thẻ ATM của N để ở ốp lưng điện thoại ra rồi cầm gói ma túy Ketamine đang chuẩn bị đổ ra đĩa để "Xào" thì đúng lúc này tổ công tác công an huyện LT vào kiểm tra, phát hiện, thu giữ: trên mặt ghế trong phòng Vip4 01 đĩa sứ, 01 thẻ ATM mang tên Lê Thị Hồng N, 01 túi nilon màu trắng, bên trong chứa chất bột màu trắng, niêm phong ký hiệu A1; Thu trên mặt bàn trong phòng Vip4: 01 túi nilon màu trắng bên trong túi chứa 01 mảnh viên nén màu hồng, niêm phong ký hiệu A2 và các đồ vật, tài sản liên quan. Hồi 07 giờ ngày 21/3/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra thu giữ mẫu nước tiểu của H, T, N, S, Bàn Văn Đ phục vụ công tác giám định.

Tại kết luận giám định số 769 ngày 25/3/2023, phòng kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Vĩnh Phúc kết luận:

"1. Chất bột màu trắng của mẫu ký hiệu A1 gửi giám định là ma túy, có khối lượng 0,7956g (không kể bao bì) loại Ketamine".

2. 01 mảnh viên nén màu hồng của mẫu ký hiệu A2 gửi giám định là ma túy có khối lượng 0,1996g (không kể bao bì) loại MDMA".

Tại các Kết luận giám định số 732, 733 cùng ngày 24/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã kết luận: *Tìm thấy chất ma túy MDMA trong mẫu nước tiểu của Khổng Văn T và Nguyễn Văn H.*

Tại Kết luận giám định số 734 ngày 24/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã kết luận: *Tìm thấy chất ma túy MDMA và Ketamine trong mẫu nước tiểu của Lê Thị Hồng N*.

Tại Kết luận giám định số 735 ngày 24/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã kết luận: *Tìm thấy chất ma túy MDMA và Ketamine trong mẫu nước tiểu của Sùng Thị S*.

Tại Kết luận giám định số 736 ngày 24/3/2023 của Phòng Kỹ thuật hình sự - Công an tỉnh Vĩnh Phúc đã kết luận: Không tìm thấy thành phần chất ma túy trong mẫu nước tiểu của Bàn Văn Đ.

Về nguồn gốc ma tuý MDMA và Ketamine, N khai mua của một người đàn ông tên H3, do trước đây H3 có đến hát ở quán Karaoke C 01 lần và nói với N nếu có ai muốn mua ma túy thì liên hệ vào tài khoản Messenger "H3 Con idol" của H3 nên tối ngày 20/3/2023 N liên lạc hỏi và mua 3.300.000đ ma túy MDMA và Ketamine của H3. Quá trình xác minh tài khoản Messenger không xác định được người đàn ông tên H3, bản thân N không biết nhân thân, lai lịch người này nên Cơ quan điều tra không có căn cứ điều tra, Cơ quan điều tra tiếp tục xác minh làm rõ xử lý sau.

Đối với Sùng Thị S là người được T cung cấp sử dụng trái phép chất ma túy MDMA, quá trình điều tra xác định trước đó 02 ngày S khai tự sử dụng ma túy Ketamine ở thành phố Hà Nội, N khai tự sử dụng ma túy Ketamine ở thành phố Hà Nội. Ngày 20/3/2023 S không bàn bạc, trao đổi gì, không đóng góp gì với T, H, N trong việc mua ma túy MDMA và Ketamine để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho các đối tượng nên Công an huyện LT không đề cập xử lý hình sự đối với S là có căn cứ. CQĐT đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với S về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy.

Đối với Bàn Văn Đ là nhân viên quầy lễ tân sắp xếp phòng hát cho khách, Nguyễn Văn Đ1 là quản lý quán, Mai Thị Ngọc A là chủ quán karaoke C, quá trình điều tra xác định sau khi chỉ cho nhóm T vào phòng Vip4 để hát thì Đ đi ra ngoài, còn Nguyễn Văn Đ1 và A không có mặt tại quán nên không biết các đối tượng tổ chức sử dụng ma túy tại phòng Vip4 quán karaoke C nên CQĐT không đề cập xử lý hình sự đối với Bàn Văn Đ, Nguyễn Văn Đ1 và Mai Thị Ngọc A là có căn cứ.

** Vật chứng thu giữ:*

- Mẫu A1 = 0,7956g ma túy Ketamine hoàn lại sau giám định 0,7805g, A2 = 0,1996g ma túy MDMA hoàn lại sau giám định 0,1830g cùng toàn bộ bao gói là vật Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu, tiêu hủy.

- 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng; 01 thẻ ATM của ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, trên mặt thẻ in tên LE THI HONG N (thẻ hỏng) là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội không còn giá trị sử dụng cần tịch thu tiêu hủy.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu tím của Nguyễn Văn H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xanh của Khổng Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSmax màu vàng Gold của Lê Thị Hồng N. Quá trình điều tra xác định H, T và N sử dụng các điện thoại trên để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu vàng Gold của Sùng Thị S, quá trình điều tra xác định S chỉ dùng điện thoại trên để liên lạc cá nhân không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại chiếc điện thoại trên cho S.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu xanh xám, BKS 88L1 – 692.74 quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Nguyễn Quốc H1, sinh năm 1986, ở thôn V, xã V, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc, ngày 20/3/2023, anh H1 cho H mượn xe mô tô trên để đi lại không biết H sử dụng xe mô tô trên đi sử dụng ma túy. Ngày 24/7/2023 Cơ quan điều tra đã trả lại anh H1 chiếc xe mô tô trên là có căn cứ.

- Đối với số tiền 1.550.000đ tạm giữ của Khổng Văn T, quá trình điều tra xác định là tiền của T không liên quan đến hành vi phạm tội. Do vậy cần trả lại cho T nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Tại Cơ quan điều tra Khổng Văn T, Nguyễn Văn H và Lê Thị Hồng N đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Tại Cáo trạng số: 100/CT-VKSLT ngày 26/10/2023, Viện kiểm sát nhân dân huyện LT truy tố các bị cáo Khổng Văn T, Nguyễn Văn H và Lê Thị Hồng N về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện LT đề nghị giữ nguyên cáo trạng đã truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Khổng Văn T, Nguyễn Văn H, Lê Thị Hồng N phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy";

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, đề nghị xử phạt Khổng Văn T 07 năm 04 tháng đến 07 năm 08 tháng năm tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 21/3/2023

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51, Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn H và Lê Thị Hồng N.

Đề nghị xử phạt Nguyễn Văn H từ 07 năm 03 tháng đến 07 năm 06 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 21/3/2023;

Đề nghị xử phạt Lê Thị Hồng N từ 07 năm 02 tháng đến 07 năm 05 tháng tù, thời hạn tù tính từ ngày bắt tạm giữ, tạm giam 21/3/2023;

Về hình phạt bổ sung: Đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng:

- Mẫu A1 = 0,7956g ma túy Ketamine hoàn lại sau giám định 0,7805g, A2 = 0,1996g ma túy MDMA hoàn lại sau giám định 0,1830g cùng toàn bộ bao gói là vật Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu, tiêu hủy.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng; 01 thẻ ATM của ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, trên mặt thẻ in tên LE THI HONG N (thẻ hỏng) là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội do không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu, bán sung quỹ nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu tím của Nguyễn Văn H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xanh của Khổng Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSmax màu vàng Gold của Lê Thị Hồng N. Quá trình điều tra xác định H, T và N sử dụng các điện thoại trên để thực hiện hành vi phạm tội.

- Trả lại 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu vàng Gold cho Sùng Thị S, quá trình điều tra xác định S chỉ dùng điện thoại trên để liên lạc cá nhân không sử dụng vào việc phạm tội.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu xanh xám, BKS 88L1 – 692.74 quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Nguyễn Quốc H1, sinh năm 1986, ở thôn V, xã V, huyện VT, tỉnh Vĩnh Phúc, ngày 20/3/2023, anh H1 cho H mượn xe mô tô trên để đi lại không biết H sử dụng xe mô tô trên đi sử dụng ma túy. Ngày 24/7/2023 Cơ quan điều tra đã trả lại anh H1 chiếc xe mô tô trên là có căn cứ.

- Trả lại Khổng Văn T số tiền 1.550.000đ, quá trình điều tra xác định là tiền của T không liên quan đến hành vi phạm tội. Nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan cháu Sùng Thị S, anh Nguyễn Quốc H1 vắng mặt tại phiên tòa, quá trình điều tra đã có lời khai, anh H1 đã nhận lại tài sản và không có yêu cầu đề nghị gì.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Các bị cáo nói lời sau cùng:

Bị cáo T: Bị cáo mong Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo để bị cáo sớm trở về với gia đình.

Bị cáo H: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Bị cáo N: Bị cáo biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật, xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện LT, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện LT, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự tố tụng của Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hay khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định của cơ quan T hành tố tụng, người T hành tố tụng đều hợp pháp.

[2] Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo Khổng Văn T, Nguyễn Văn H và Lê Thị Hồng N đã khai nhận hành vi phạm tội của mình như nội dung của bản Cáo trạng đã truy tố. Lời khai của bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ khẳng định: Buổi tối ngày 20/3/2023, Khổng Văn T cùng với Nguyễn Văn H đi từ huyện VT sang huyện LT, tỉnh Vĩnh Phúc hát karaoke, trên đường đi H gọi điện thoại cho Lê Thị Hồng N đặt phòng, T gọi điện thoại cho Sùng Thị S, sinh ngày 28/7/2007 rủ đi hát thì S đồng ý. Khoảng 22 giờ cùng ngày, T và H đến thuê phòng Vip 4 quán karaoke C ở xã Triệu Đề, huyện LT và nói với Bàn Văn Đức cho nhân viên N vào phục vụ, sau đó N vào hát cùng T và H được khoảng 20 phút thì S đến cùng nhau hát và uống bia được khoảng 30 phút thì T rủ H mua ma túy để tổ chức sử dụng, H nói với T là nhờ N mua hộ, T ứng tiền ra trước rồi về chia đôi. Sau khi H nhờ mua ma túy thì N gọi điện qua ứng dụng Messenger cho một người đàn ông có tên là H3 hỏi và được H3 đồng ý bán cho 02 viên ma túy Kẹo và 01 chỉ ma túy Ketamine với giá 3.300.000đ, rồi N nói lại với H là hết 3.300.000đ, H bảo T đưa tiền cho N, khoảng 05 phút sau thì N cầm tiền đi ra ngoài lấy và mang vào phòng Vip4 01 túi nilon màu trắng đựng 02 viên nén màu hồng là ma túy Kẹo và 01 túi nilon đựng ma túy Ketamine. T lấy 01 viên ma túy kẹo bẻ đôi sử dụng một nửa, nửa còn lại đưa cho S sử dụng, tiếp đó H lấy 01 viên ma túy kẹo bẻ đôi

sử dụng một phần, còn một nửa viên đưa cho N sử dụng còn một phần H để trong túi nilon để trên bàn. Sau khi sử dụng ma túy Kẹo xong thì H bảo N lấy ma túy Ketamine để "Xào" (sử dụng) thì N lấy 01 thẻ ATM của mình và 01 đĩa sứ hơ nóng chuẩn bị đổ ma túy Ketamine ra để sử dụng thì đúng lúc này tổ công tác công an huyện LT kiểm tra phát hiện, thu giữ 0,7956g ma túy Ketamine, 0,1996g ma túy MDMA và các vật chứng liên quan.

[3] Hành vi tổ chức cho Sùng Thị S, sinh ngày 28/7/2007 (S mới 15 tuổi 07 tháng 20 ngày) sử dụng trái phép chất ma túy của Khổng Văn T, Nguyễn Văn H và Lê Thị Hồng N đã phạm vào tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy" theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự.

Điều 255 Bộ luật hình sự quy định:

"*1. Người nào tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy dưới bất kỳ hình thức nào, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm.*

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 07 năm đến 15 năm:

...

c) Đối với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 18 tuổi;".

Xét tính chất vụ án là rất nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về ma túy gây ảnh hưởng xấu đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội, ảnh hưởng đến nòi giống, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm của con người. Các bị cáo nhận thức được việc sử dụng trái phép chất ma túy bị pháp luật nghiêm cấm nhưng các bị cáo vẫn thực hiện hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho người khác sử dụng. Do đó cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi của các bị cáo để đảm bảo tính răn đe, giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

[4] Về vai trò nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, thấy rằng:

Trong vụ án này Khổng Văn T là người có vai trò chính, khởi xướng, cung cấp tiền để mua ma túy Ketamine và MDMA nên bị cáo T phải chịu trách nhiệm với vai trò đầu vụ, Nguyễn Văn H, Lê Thị Hồng N tham gia với vai trò đồng phạm giúp sức tích cực liên hệ mua ma túy và chuẩn bị công cụ, phương tiện cùng với T để tổ chức cho Sùng Thị S là người chưa thành niên sử dụng trái phép chất ma túy MDMA. Các bị cáo là người có đủ năng lực trách nhiệm hình sự và biết rõ hành vi tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy của mình là vi phạm

pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, nên cần xử lý nghiêm tương xứng với tính chất hành vi phạm tội của các bị cáo.

Trước khi phạm tội các bị cáo là đều là người có nhân thân tốt, chưa có tiền án, tiền sự; trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình, nên được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự; bị cáo Khổng Văn T nhiều lần được Ban chấp hành Đoàn thanh niên xã V tặng thưởng giấy khen trong hoạt động đoàn nên bị cáo được áp dụng thêm tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự.

Căn cứ vào tính chất, hành vi phạm tội, nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; xét thấy cần cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục là cần thiết.

[5] Về hình phạt bổ sung: Tại khoản 5 Điều 255 Bộ luật hình sự quy định: *"Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 50.000.000 đồng đến 500.000.000 đồng..."*, xét thấy các bị cáo đều không có việc làm ổn định, đang bị tạm giam, không có thu nhập, tài sản gì có giá trị lớn, vì vậy Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với các bị cáo.

[6] Đối với Sùng Thị S là người được T cung cấp sử dụng trái phép chất ma túy MDMA, S không bàn bạc, trao đổi gì, không đóng góp gì với T, H, N trong việc mua ma túy MDMA và Ketamine để tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy cho các đối tượng nên Công an huyện LT không đề cập xử lý hình sự đối với S là có căn cứ. Cơ quan điều tra đã ra quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với S về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy là phù hợp.

Đối với Bàn Văn Đ là nhân viên quầy lễ tân sắp xếp phòng hát cho khách, Nguyễn Văn Đ1 là quản lý quán, Mai Thị Ngọc A là chủ quán karaoke C, quá trình điều tra xác định sau khi chỉ cho nhóm T vào phòng Vip4 để hát thì Đ đi ra ngoài, còn Nguyễn Văn Đ1 và A không có mặt tại quán nên không biết các đối tượng tổ chức sử dụng ma túy tại phòng Vip4 quán karaoke C nên Cơ quan điều tra không đề cập xử lý hình sự đối với Bàn Văn Đ, Nguyễn Văn Đ1 và Mai Thị Ngọc A là có căn cứ.

[7] Về xử lý vật chứng:

- Mẫu hoàn lại sau giám định A1 = 0,7805g ma túy Ketamine, A2 = 0,1830g ma túy MDMA cùng toàn bộ bao gói là vật Nhà nước cấm lưu hành cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng; 01 thẻ ATM của ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, trên mặt thẻ in tên LE THI HONG N (thẻ hỏng) là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội do không còn giá trị sử dụng cần tịch thu, tiêu hủy.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu tím của Nguyễn Văn H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xanh của Khổng Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSmax màu vàng Gold của Lê Thị Hồng N. Quá trình điều tra xác định H, T và N sử dụng các điện thoại trên để thực hiện hành vi phạm tội nên cần tịch thu bán sung quỹ Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu vàng Gold của Sùng Thị S, quá trình điều tra xác định S chỉ dùng điện thoại trên để liên lạc cá nhân không sử dụng vào việc phạm tội nên cần trả lại cho S.

- Đối với 01 xe mô tô nhãn hiệu Exciter, màu xanh xám, BKS 88L1 – 692.74 quá trình điều tra xác định là tài sản của anh Nguyễn Quốc H1. Ngày 24/7/2023 Cơ qua điều tra đã trả lại anh H1 chiếc xe mô tô trên, anh H1 không có yêu cầu đề nghị gì nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

- Đối với số tiền 1.550.000đ tạm giữ của Khổng Văn T, quá trình điều tra xác định là tiền của T không liên quan đến hành vi phạm tội. Do vậy cần trả lại cho T nhưng cần tạm giữ để đảm bảo thi hành án.

[9] Về án phí: Các bị cáo Khổng Văn T, Nguyễn Văn H, Lê Thị Hồng N phải chịu án phí Hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố: Các bị cáo Khổng Văn T, Nguyễn Văn H, Lê Thị Hồng N phạm tội "Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy".

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự;

Xử phạt bị cáo Khổng Văn T 07 (bảy) năm 04 (bốn) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 21/3/2023.

Áp dụng điểm c khoản 2 Điều 255, điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự đối với Nguyễn Văn H và Lê Thị Hồng N.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Văn H 07 (bảy) năm 03 (ba) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 21/3/2023.

Xử phạt bị cáo Lê Thị Hồng N 07 (bảy) năm 02 (hai) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ, tạm giam ngày 21/3/2023.

Về xử lý vật chứng: Căn cứ vào khoản 1 Điều 47 của Bộ luật hình sự và khoản 2 Điều 106 của Bộ luật tố tụng hình sự.

- Tịch thu, tiêu hủy mẫu hoàn lại sau giám định A1 = 0,7805g ma túy Ketamine, A2 = 0,1830g ma túy MDMA cùng toàn bộ bao gói ký hiệu "MẪU TRẢ" là vật Nhà nước cấm lưu hành.

- Tịch thu, tiêu hủy 01 đĩa sứ hình tròn màu trắng; 01 thẻ ATM của ngân hàng thương mại cổ phần Đầu tư và Phát triển Việt Nam, trên mặt thẻ in tên LE THI HONG N (thẻ hỏng) là công cụ, phương tiện sử dụng vào việc phạm tội do không còn giá trị sử dụng.

- Tịch thu bán phát mại sung quỹ Nhà nước 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 14 Promax màu tím của Nguyễn Văn H; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 12 Promax màu xanh của Khổng Văn T; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XSmax màu vàng Gold của Lê Thị Hồng N.

- Trả lại cho Sùng Thị S 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone XS màu vàng Gold.

- Trả lại Khổng Văn T số tiền 1.550.000 đồng không liên quan hành vi phạm tội, nhưng tạm giữ đảm bảo thi hành án.

(Vật chứng có đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 13/11/2023 giữa Công an huyện LT và Chi cục Thi hành án dân sự huyện LT)

Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Khổng Văn T, Nguyễn Văn H, Lê Thị Hồng N mỗi bị cáo phải chịu 200.000đ án phí Hình sự sơ thẩm.

Các bị cáo có mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, người đại diện hợp pháp của người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tống đạt hợp lệ.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Vĩnh Phúc
- VKSND tỉnh Vĩnh Phúc;
- VKSND huyện LT;
- Sở Tư pháp tỉnh Vĩnh Phúc;
- Chi cục THADS huyện LT;
- Công an huyện LT;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HS,VP, THAHS.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Kim Thị Ánh Vân